

## Phá vỡ thành trì Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả

Đức Phật nói (1): *Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao? Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả.*

*Tu Bồ Đề bạch đức Phật (2): "Thế Tôn, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc?"*

*Phật nói: "Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

*Này nữa, thầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp.*

### Luận giải:

Hãy xem xét câu:

*(...) một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh (...)*

Từ “độ” nghĩa là: hóa độ – làm thay đổi hoàn cảnh, điều kiện ... thậm chí làm thay đổi *chất* của một đối tượng nhắm đến. Từ “độ” với Bồ thí có khoảng cách khác biệt rất xa. Mặc dù, hai khái niệm này cũng có chút giao thoa về nghĩa nhưng rõ ràng đây là hai khái niệm rất khác biệt.

Cùng hướng đến những đối tượng ngoài bản thân để giúp đỡ, song, Bồ thí là việc giúp đỡ cụ thể mà người nhận thấy được: *Tài thí, Tâm thí, Pháp thí*. “Độ” là những gì người nhận không thấy được. Cái mà người nhận không thấy được đó thuộc phần *vô hạn*. Đó là sự chuyển hóa thuộc về “bên trong” – tức *chất* của đối tượng được nhận được. Một khi *chất* ấy được chuyển hóa, nó có thể làm thay đổi hoàn cảnh, điều kiện ... ( thuộc phần hữu hạn ). Đây là điều – vượt tầm nhận biết của con người.

Song, vấn đề bị vấp vấp ở chỗ là: *phải và tất cả*. *Phải*, là ham muốn riêng tư, ham muốn này mang tính quyết tâm rất cao – tựa như không thể làm khác được ; *tất cả* ở đây là gom hết, là “tất tẩn tật” như đã trình bày.

Nếu như ngay khi “mở màn”, đức Như Lai phải dụng “đối trị”, thì ở đây là một lời giáo hóa nhẹ nhàng hơn: *“Không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả”.*

*Ngã, Nhân, Chúng Sanh, Thọ Giả* trở thành then chốt, là “chìa khóa” mở cánh cửa “bí ẩn” để đi đến *giác ngộ hoàn toàn*.

Vậy *Ngã, Nhân, Chúng Sanh, Thọ Giả* thực chất như thế nào mà khiến Bồ Tát có khi phải tu – đến hàng kiếp kiếp mới thành Phật ?

*Thành trì Ngã.*

Ngã, đó là: Bất biến, cố định. Ở đây xin tạm gọi đó là một cái khung được đóng sẵn, đóng chết. Cái khung này được đóng bởi sự chủ quan của cái

tôi dành cho sự vật, hiện tượng – trong đó con người ngoài “tôi”. Nó là sản phẩm đặc sệt tính chủ quan – nhưng nó lại có nguồn gốc xuất phát từ tính tất yếu khách quan. Vì vậy, nó trở thành vấn đề thật sự nan giải – khi có ý định “đụng”, “chạm” vào nó.

Sự hình thành của nó bắt đầu từ khi còn lấm chấm ... nếu như đã sờ vào ngọn lửa, thì, từ đó về sau, ý thức sẽ mách bảo: lửa, đó là nóng, phải tránh xa thân thể khỏi nó. Như vậy, cái khung đã được hình thành. Cái khung này dành cho ngọn lửa là: nguy hiểm – phải dè chừng. Cái khung như vậy là phù hợp với tính khách quan. Từ đây, ý niệm “chân lý” hình thành. Cái tôi chủ quan được xây dựng trên nền tảng “chân lý” ấy một cách hết sức vững chắc.

Khi đụng vào các mối quan hệ xã hội thì không còn đơn giản nữa, cái khung ấy buộc phải biến hóa, linh hoạt và mềm dẻo hơn ... Nhưng đó vẫn cứ phải là cái khung của cái tôi chủ quan. Ví như, hơi lớn lên một chút, có cây kem cầm trên tay, bị anh hoặc chị lừa, cả tin, ngoảnh mặt đi, khi quay lại, cây kem bị mẻ mất một miếng ... Nếu như người anh, người chị ấy không thể hiện: đó chỉ là sự trêu đùa – mà đó là sự gạt gẫm – cái khung từ sự linh hoạt, mềm dẻo sẽ trở thành một cái khung cố định bằng thép.

Có nghĩa, khi đó, cái Ngã ( cái tôi chủ quan ) trở thành bất trị.

Và, cái khung này, một khi nó được “tha” đi, “nhấp nhứ” cho tất cả mọi đối tượng – đó không chỉ đơn giản là sai sự thật – mà đó còn là sự bất hạnh. Như vậy, bản chất của cái Ngã, cái tôi là tính bảo thủ, sự cố chấp. Trong nhà Phật chỉ gọi một từ là *chấp*.

Tính bảo thủ, sự cố chấp này thật sự là ghê gớm khi nó bắt chấp cả thời gian. Ví như: Có một người bạn, thời tiểu học, do ham chơi, học hành không được siêng năng nên điểm thấp. Cái khung từng dành cho người bạn ấy đó là: *dốt*. Bất chấp sự vận động và biến đổi, hai mươi năm sau, gặp lại người bạn ấy, vẫn nói thảm vào tai người bên cạnh: “Thằng ấy, hồi đó, ngu bỏ mẹ”. “Cái ngu bỏ mẹ” dành cho người bạn ấy – của hai mươi năm trước, không hề bị sứt mẻ đi tí nào !

Cái Ngã, cái tôi chủ quan ấy trở thành bức thành trì – rất khó phá bỏ.

Một người có học, được trang bị “tận răng” về lý luận: mọi sự vật và hiện tượng luôn vận động và biến đổi – tức: VÔ NGÃ – thì, sự đánh giá “ngu bỏ mẹ” kia – có được xóa bỏ không còn chút dấu vết nào không ? Xin trả lời ngay rằng: Không hề – thậm chí, sự đánh giá “ngu bỏ mẹ” kia vẫn nguyên vẹn – nếu như chỉ đơn thuần là dựa vào *kiến thức*. Vì vậy, một người “bụng đầy chữ” ( học và đọc rất nhiều, kiến thức rất rộng ) – vẫn luôn “chông chênh” – bởi họ đã dừng lại ở việc đọc và học ; không biến sự đọc và học ấy thành sự *hiểu*. Tưởng rằng mình là “*người lớn*”, song, có khi đó “*chẳng phải là người lớn*” chút nào. Sự lầm tưởng về mình cũng bởi do cái Ngã – vốn là bức thành trì kiên cố và “vĩ đại” ngự trị ở trong mình.

Như vậy, giữa *kiến thức* và *trí tuệ* của nhà Phật là hai khái niệm có nội hàm khác nhau rất xa.

Khái niệm *trí tuệ* của nhà Phật là nói đến sự *hiểu* – sự *hiểu* này đó là nhận biết về chân lý. Nhận biết về chân lý này không phải chỉ dừng ở cái vỏ bọc

– có nghĩa, đó không phải là chuyện “nói hay”. Sự *hiểu* đúng là sự *hiểu* chỉ và chỉ khi trở thành tồn tại khách quan – có nghĩa, nó hiện diện tự nhiên trong đời sống sinh hoạt thường nhật hàng ngày.

Đến đây có lẽ đã khá rõ về việc: tại sao lại phải phá bỏ cái Ngã. Không phá bỏ nó, sẽ không thể nào đi đến *trí tuệ Bát Nhã Ba Mật Đa*, không thể nào hiểu được về lẽ thật.

Thế nhưng, biết xóa bỏ nó thế nào đây ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

*Thành tri Nhân*

*Nhân* ở đây là nói đến con người. Tức là đã tách riêng con người ra khỏi khái niệm *chúng sanh*.

Trong tất cả muôn loài chúng sanh, con người là động vật “cấp cao”. Nói là cấp cao, vì con người hơn hẳn những loài khác ở *trí tuệ*. Như đã trình bày, *trí tuệ* không đồng nhất với *kiến thức*. Cho nên, con người, nếu đánh mất *trí tuệ*, thì trở thành những loài chúng sanh khác, đó là điều hiển nhiên, khách quan.

Đến đây sẽ bắt gặp vấn đề: Như vậy, *Trí tuệ* và *Tâm* được hiểu như thế nào ?

*Trí tuệ* mới thật sự là biểu hiện của *Tâm* – chứ không phải là suy nghĩ, lời nói, hành động. Những bộc lộ ra bên ngoài của mọi suy nghĩ, lời nói, hành động của một người chưa thể hiện đúng cái *Tâm* của người đó ( đã trình bày ).

Tại sao lại kết luận *Trí tuệ* mới thật sự là biểu hiện của *Tâm* ? Bởi, *trí tuệ* giữ vai trò quyết định. Trước một việc phải *suy xét* có nên suy nghĩ, nói năng, hành động hay không – đó là quyết định của *trí tuệ*. Một *trí tuệ kém cỏi* sẽ dẫn đến những suy nghĩ, nói năng, hành động non yếu. Sự non yếu này – tùy vào “cái khung” chuẩn mực đạo đức của một xã hội mà đặt cho nó cái tên cụ thể. Sự non yếu của *trí tuệ* này là như nhau, song, mỗi xã hội, mỗi giai đoạn lịch sử của xã hội – sẽ có những đánh giá khác nhau. Cái mà trước đây, trong sách này, gọi đó là *cấu trúc tâm linh phần tâm* thì đến đây cũng có thể gọi đó là *cấu trúc tâm linh trí tuệ*. ( nếu trước đây gọi nó với cách gọi mới này sẽ là cả một sự rối bời ).

Đến đây có thể hiểu thêm một bước: tại sao gọi con đường tu Phật là con đường tu *trí tuệ*. Thực chất, tu Phật, là cách để con người tiến lên – không bị lùi lại, không bị *thoái hóa*.

Do hoàn cảnh, điều kiện chi phối – trong đó, bản năng “thô thiển” là thứ trở dậy mạnh mẽ, luôn đòi hỏi phải đáp ứng để thỏa mãn ... cho nên *Trí tuệ* mà con người hiện có – một mặt là *trí tuệ hữu hạn* – mặt khác, đó không phải là thứ bất biến – tức, *vô ngã*.

Vì đó là *trí tuệ hữu hạn* – thậm chí là rất giới hạn nên con người rất dễ hay bị làm lạc. Từ làm lạc này có thể kéo theo những làm lạc khác ... và, con người với bản chất là hướng thiện, lại luôn tìm cách vươn lên ... nên *trí tuệ* đó không phải là *trí tuệ bất biến* ( cố định ) – tức, *vô ngã* ( luôn biến đổi ).

Như vậy, chính cái hữu hạn về *trí tuệ* mà khiến con người phải “chìm nổi”.

Tu Phật là đi đến cái *vô hạn của trí tuệ* – khi đó lại trở về *Ngã*. Có nghĩa, *trí tuệ Ba La Mật Đa* là *Ngã*, là bất biến.

Cần phải mở rộng ra thêm như vậy để khi trở lại vấn đề Nhân trong phần này mới thấy rằng, sự *hiếu* của con người về con người là rất hạn chế.

Xã hội loài người khi bắt đầu phát triển là bắt đầu có đủ các loại giai cấp và đủ các loại thành phần.

Vốn đã mang tính chủ quan, giờ lại thêm phân tầng của xã hội, cho nên con người nhìn con người bao giờ cũng bằng cặp mắt đặc sệt định kiến .

“Sếp” không chỉ là “sếp” trong cơ quan, nếu “chẳng may” học chung với “sếp” thì cũng “chớ dại” mà đánh đồng. Trong một bàn tiệc, toàn là những người mới quen biết, ấy vậy mà chỉ qua dăm ba câu chuyện thôi là có thể “sắp xếp” người này là loại này, người kia là loại kia. Cái khung dành cho mỗi người ấy là “chân lý” là bất biến.

Cũng chính vì vậy, một khi cái khung dành cho thân tượng của mình bị rạn nứt thì đó cũng là cả một sự “sụp đổ” ghê gớm.

Vì biết rằng con người luôn *dựa* vào cái vỏ bên ngoài, luôn “sống” bằng những thứ *huyền hoặc* – nên Pháp Hữu vi trở thành loại pháp thông dụng, được ưa chuộng và ngày càng phát triển mạnh mẽ. *Nhân* ở đây trở thành những vị *thánh sống*.

*Người lớn* ấy *chẳng phải là lớn* ...

Với *Trí tuệ vô hạn* thì: *Người lớn, chẳng phải là lớn ; người bé, chẳng phải là bé ; Người sang, chẳng phải là sang ; kẻ hèn, chẳng phải là hèn* ... Tất cả được đặt dưới cái nhìn bình đẳng tuyệt đối – hẳn nhiên, trong đó phải có cả bản thân mình.

Sự phân biệt con người đã dẫn đến sự đối đãi phân biệt con người. Đó là bức thành trì khó lay chuyển.

Làm sao phá bỏ bức thành trì này ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

*Thành trì chúng sanh*

Như trong kinh cũng đã cho hay, chúng sanh đó là: *Hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác*.

Như vậy, chúng sanh là vạn vật trên cõi nhận gian này. Như đã trình bày, đến con người còn bị phân tầng, phân lớp chứ nói gì đến chúng sanh. Nếu như có những con người còn bị đối xử thua cả con vật – thì con vật, cây cỏ hoa lá ... có đáng là gì.

Hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con cá mà xem ... hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con bò mà xem ... hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con chó mà xem ... Nếu sự nhìn ấy bằng một tâm hồn trong sang, cởi mở ... bỗng nhiên sẽ phải giật mình – nhận ra rằng: đó là những sinh linh hết sức đáng yêu. Và, sẽ phải rùng mình khi nghĩ đến – những sinh linh ấy bị giết.

Tại sao con người không có được những tình cảm, những rung động ấy ? Trong sâu thẳm, con người không phải không có những cảm nhận, những tình tế để nhận ra những điều khác biệt – ngoài thực thể đáng tội nghiệp

ấy. Chỉ có điều những cảm nhận, những tinh tế ấy bị khóa lấp bởi những điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Lớp che phủ cứ mỗi ngày mỗi dày thêm... Triết lý của nhà Phật là : hãy để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy, ngang hàng với con người.

Với triết lý này, hàng “quý tộc” sẽ phải xanh người, lặn ra chết ngất.

Khoan nói vội những điều mà đức Thế Tôn nhận biết – bởi loài người sẽ chẳng mấy may hiểu được chút nào – hãy xem xét triết lý ấy đơn thuần chỉ là triết lý: vậy thì, để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy ... có làm giảm đi giá trị thực có của mình không ? Chỉ có những giá trị “giả” mới thấy bị mất ! Để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy ...việc làm ấy có cao đẹp, có mang tính thiện không ? Đó là nhân ái trên mọi lòng nhân ái.

Dưới mắt đức Như Lai tất cả đều bình đẳng. Khi đi ngang đồng xương khô chất bên vệ đường, ngài quỳ xuống cúi lạy. Ngài nói: *“Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh”*. Tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh – thì là gì ? Là Phật. Sẽ là Phật.

*“Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế? Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai gọi là không phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh.”*

Vì sẽ là Phật – có nghĩa chưa thành Phật, nên gọi đó là *chúng sanh*.

Để có được trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật Đa nên Bồ Tát phải mượn tạm nhận biết của đức Thế Tôn để làm nhận biết của chính mình. Khi đã có được nhận biết đích thực của mình, sự nhận biết tạm bợ kia không còn nghĩa.

Để có được cái nhìn bình đẳng giữa các loài chúng sanh – trong đó có bản thân mình, phải phá bỏ bức thành trì phân biệt đối đãi. Nó cũng là thứ đã được cắm rất sâu trong ý thức con người.

Vậy làm sao phá bỏ được nó ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

*Phá bỏ thành trì Thọ giả*

Thọ giả ở đây có nghĩa là thọ mạng. Tức là sự sống, sự chết ( thọ ở trong Tâm kinh Bát Nhã là sự cảm thụ, thuộc đời sống tinh thần ).

Con người luôn tồn tại trong hai nỗi ám ảnh: sự sống và cái chết. Còn bé, nếu như nỗi ám ảnh về sự sống ít hơn thì sự chết “đe dọa” nhiều hơn, thông qua hình ảnh: ma, quỷ... Lớn lên, nỗi ám ảnh về cơm, áo, gạo, tiền, địa vị, danh vọng ... làm lấn át nỗi sợ về cái chết – tuy nhiên, nỗi ám ảnh ấy vẫn hằng luôn âm ỉ, chờ đến khi có cơ hội, nó bùng phát dữ dội. Con người, trước cái chết là cả nỗi kinh hoàng. Nhiều người làm tưởng rằng: cái chết, chẳng có gì phải sợ. Điều ấy chỉ đúng hay không đúng ở những giây phút cuối cùng trước khi từ giã cõi đời.

Một Bồ Tát, nếu là Bồ Tát đích thực, thì sẽ dùng linh giác nhạy bén của mình để nhận ra: ý nghĩa sự sống – giá trị sống – mới cần sự hiện diện của mình trên cõi đời này. Ý nghĩa ấy chứa đựng cả hai phương diện tồn

tại thực tại: Làm tròn sứ mệnh của mình – và phải “trả” những gì cần phải “trả”.

Trọng trách của một Bồ Tát là lớn lắm, trước hết, đó là trọng trách sống còn: phải giữ trọn vẹn, đầy đủ cái *hạnh* của mình. Nếu không giữ trọn vẹn cái *hạnh* của mình, khi giáo hóa chúng sanh, đó chỉ là con vẹt biết “hót”. *Chúng sanh* khi đó còn *lớn* hơn cả vị Bồ Tát không đủ *hạnh* ấy.

Một Bồ Tát “đích thực” mà còn so đo, tính toán, hơn thua, nuông chiều, đua đòi ... những thứ không thật có sao ?

Một Bồ Tát “đích thực” mà còn so đo, tính toán, hơn thua, nuông chiều, đua đòi ... những thứ không thật có – không phải chỉ là *một Bồ Tát* không đích thực – mà đó còn là sự đi vào ngưỡng cửa “âm”. Một Bồ Tát “đích thực” mà không nhận biết được sự chuyển hóa vi diệu này ư ? Than ôi !

Một Bồ Tát đích thực sẽ nhận biết đời sống tạm bợ này chỉ tựa “gang tay” – so với những gì Bồ Tát đã đi qua ... Cả một hành trình ngút ngàn tít tắp diệu vợi để có được hôm nay ... ấy vậy mà, lại có những Bồ Tát để chút phù du “cuốn trôi” đi tất cả ... Than ôi ! Mau mau thức tỉnh để cứu vớt phần còn lại của mình.

Một Bồ tát – nếu không phải là Bồ Tát đích thực – sẽ luôn ở trong sợ hãi. Sợ hãi cùng cực về cái chết cũng là bức thành trì rất khó lung lay.

Vậy làm sao phá bỏ được nó ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

Tại sao cứ luôn phải là : Giữ hạnh Bồ Tát ?

Để trả lời câu hỏi này, trước tiên phải trả lời câu hỏi: Bồ Tát giữ vai trò gì đối với chúng sanh ( trong đó: Bồ Tát giữ vai trò gì đối với nhân loại ) ?

Đức Thế Tôn nói: *"Hay lắm, thầy Tu Bồ Đề! Thầy nói thật đúng, Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát"*.

Như vậy Bồ Tát là những người được đức Phật “*giao phó sự nghiệp*” giáo hóa chúng sanh. Có nghĩa, việc chúng sanh giác ngộ đi theo con đường tu Phật như thế nào là “*nằm trong tay*” các vị Bồ Tát ( tại gia và xuất gia ). Câu hỏi thứ hai cũng cần phải được trả lời: Một Bồ Tát tại gia và xuất gia phải dựa trên nền tảng cơ bản nào ?

Một Bồ Tát tại gia và xuất gia phải dựa trên ba nền tảng cơ bản, đó là: *Tín, Hạnh và Nguyện*.

Trước hết là niềm tin. Nếu ví như một Bồ Tát xây một tòa tháp cho mình thì: Niềm tin là nền móng của tòa tháp đó. Vì niềm tin là điều rất riêng của mỗi người – không có nét chung để xem đó là Pháp Phật. *Nguyện* đó vừa là ý nguyện vừa là lời *thệ nguyện*. Trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa này, *nguyện* đó là phát tâm của những vị Bồ Tát đạt đạo quả *Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*. *Nguyện* được ví như là mái chóp nhọn của tòa tháp. *Nguyện* cũng là việc rất riêng của mỗi người không có nét chung để xem đó là Pháp Phật.

*Luôn giữ hạnh Bồ Tát* có các điểm chung dành cho tất cả các vị Bồ Tát. Vì vậy, *Luôn giữ hạnh Bồ Tát* là Pháp Phật và cũng là nền tảng, cơ bản cho các vị Bồ Tát. *Luôn giữ hạnh Bồ Tát* được ví như là thân tháp vậy. Móng, thân, chóp tháp phải hài hòa thì cấu trúc ấy mới bền, chắc được.

*Giữ được hạnh Bồ Tát* là Bồ Tát dùng đôi chân trần của mình chạm vào mặt đất – không bị kéo bổng lên “chín tầng cao”. Từ những việc làm nhỏ nhặt, bình thường, hàng ngày – tự nhiên, không nghĩ ngợi – hóa ra đó lại là *không phải tom góp* . Vì không phải là *tom góp* nên chuyện “đại sự” thành tự lúc nào cũng chẳng hay ...

( Trích chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” )